

Số: 392/2026/QĐST-HNGĐ

Huế, ngày 11 tháng 9 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 355/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm 1995; Căn cước công dân số: 046195014277, cấp ngày 05/12/2021; nơi cư trú: Thôn A, xã H, thành phố H.

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1994; Căn cước công dân số: 046094016829, cấp ngày 15/8/2021; nơi cư trú: Thôn X, xã H, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 9 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 9 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Diễm M và anh Trần Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Diễm M và anh Trần Văn T có 01 người con chung là Trần Nguyễn Nhật H, sinh ngày 02/3/2026; giao người con chung cho chị Nguyễn Thị Diễm M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Trần Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng/một tháng) kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm non con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Nguyễn Thị Diễm M (đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, anh Trần Văn T còn chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.2. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Diễm M thuận chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0000574 ngày 20 tháng 8 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố H. Chị Nguyễn Thị Diễm M đã nộp đủ án phí dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện và thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 4-Huế;
- THADS thành phố Huế;
- UBND xã Hưng Lộc, thành phố Huế (ĐKKH số 21 ngày 16/5/2025 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Lộc Sơn (cũ));
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đinh Xuân Cầm